

D BÁCH KHOA N A N G	QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẴM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM THEO ISO 9001:2015	Mã số: CSVC - QT - 45
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 31/12/2025
		Trang: 1/6

QUY TRÌNH
ĐỀ XUẤT, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
MUA SẴM VẬT TƯ,
DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA,
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
Mã số: CSVC-QT-45



SOẠN THẢO	KIỂM TRA	PHÊ DUYỆT
Nguyễn Thị Minh Hạnh Chuyên viên	Nguyễn Thanh Cường Phó Trưởng phòng	Nguyễn Hồng Việt Phương Phó Trưởng phòng
25/12/2025	29/12/2025	31/12/2025

[illegible]

D B A C H K H O A N A N G	QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẴM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM THEO ISO 9001:2015	Mã số: CSVC - QT - 45
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 31/12/2025
		Trang: 3/6

TRANG MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	Trang kiểm soát	1
2	Trang sửa đổi	2
3	Trang mục lục	3
4	Trang nội dung	4
	1. Mục đích	4
	2. Phạm vi áp dụng	4
	3. Văn bản áp dụng và tài liệu tham khảo	4
	4. Từ viết tắt và định nghĩa	4
	5. Nội dung	5
	6. Hồ sơ lưu trữ và biểu mẫu ban hành	7

	QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẮM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM THEO ISO 9001:2015	Mã số: CSVC - QT - 45
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 31/12/2025
		Trang: 4/6

TRANG NỘI DUNG

1. MỤC ĐÍCH

- Hướng dẫn quy định trình tự, nội dung thực hiện việc đề xuất, phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, dụng cụ thí nghiệm.
- Xác định trách nhiệm của mỗi tổ chức, cá nhân trong việc làm thủ tục đề xuất, phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, dụng cụ thí nghiệm tại Trường.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

2.1 Đối tượng áp dụng:

Các đơn vị trong Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

2.2 Trách nhiệm áp dụng:

Phòng Cơ sở vật chất, Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng

3. VĂN BẢN ÁP DỤNG VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Tiêu chuẩn ISO 9001:2008;
- Các văn bản pháp quy có liên quan.

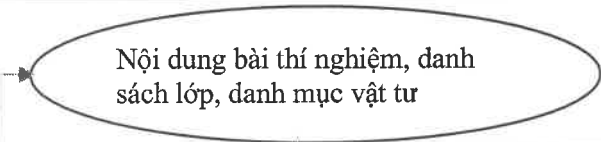
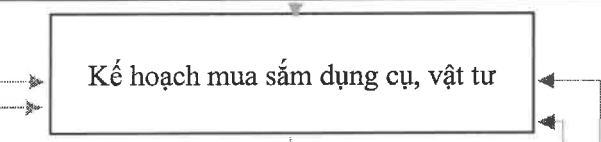
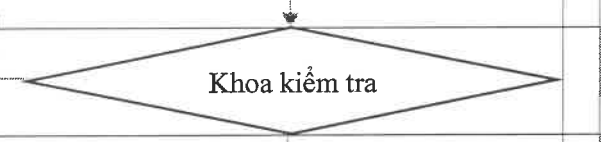
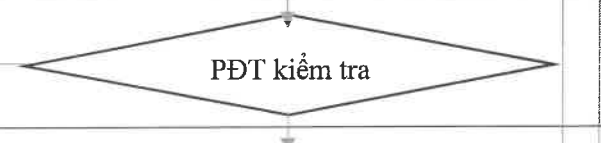
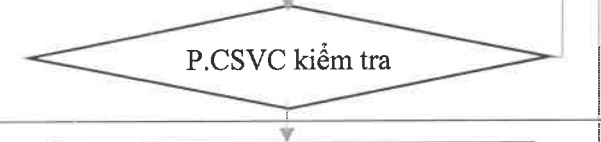
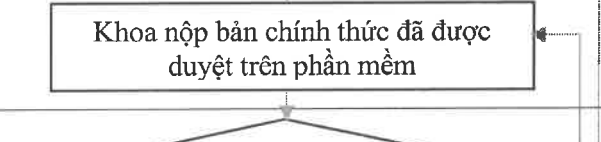
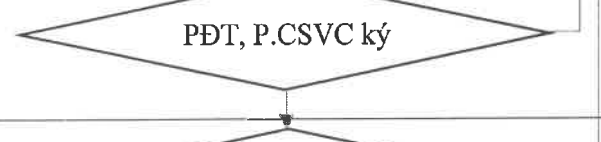
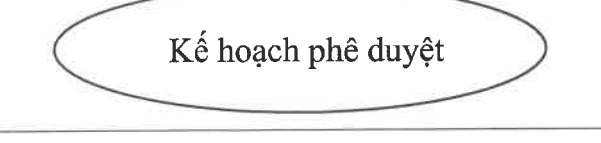
4. TỪ VIẾT TẮT

- Đại học Đà Nẵng: ĐHDN
- Trường Đại học Bách khoa: ĐHBK
- Ban Giám hiệu: BGH
- Phòng Cơ sở vật chất: CSVC
- Phòng Đào tạo: PĐT
- Quy trình: QT
- Biểu mẫu: BM

D BÁCH KHOA N A N G 	QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẮM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM THEO ISO 9001:2015	Mã số: CSVC - QT - 45
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 31/12/2025
		Trang: 5/6

5. NỘI DUNG

5.1. Lưu đồ các bước thực hiện

QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT VÀ PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẮM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM PHỤC VỤ ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA – ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG				
TT	Bộ phận phụ trách	Sơ đồ	Thời gian thực hiện	Mẫu biểu sử dụng
1	Phòng thí nghiệm, Phòng Đào tạo		5 ngày	BM45.01 BM45.02
2	Phòng CSVC, Quản trị phần mềm		10 ngày	BM45.03 BM45.04
3	Phòng thí nghiệm, Phòng Đào tạo, Phòng CSVC		10 ngày	BM45.05
4	Lãnh đạo Khoa		3 ngày	BM45.05
5	Phòng Đào tạo		2 ngày	BM45.05
6	Phòng CSVC		10 ngày	BM45.05
7	Phòng thí nghiệm, Lãnh đạo Khoa		5 ngày	BM45.05
8	Phòng Đào tạo, Phòng CSVC		5 ngày	BM45.05
9	BGH duyệt		5 ngày	BM45.05 BM45.06 BM45.07
10	Phòng CSVC, Phòng Đào tạo, đơn vị thụ hưởng		5 ngày	BM45.05 BM45.06 BM45.07

5.2. Diễn giải:

	QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẮM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM THEO ISO 9001:2015	Mã số: CSVC - QT - 45
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 31/12/2025
		Trang: 6/6

Bước 1: Chuẩn bị nội dung bài thí nghiệm, danh sách lớp

Phòng thí nghiệm, Khoa xây dựng nội dung bài thí nghiệm, thực hành; Phòng Đào tạo chuẩn bị danh sách lớp học phần.

Bước 2: Rà soát dữ liệu

Phòng Cơ sở Vật chất rà soát danh mục vật tư (danh mục đầy đủ tất cả các dụng cụ, vật tư để các phòng thí nghiệm lựa chọn đề xuất).

Bước 3: Phòng thí nghiệm lập Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư

Phòng thí nghiệm lập Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư.

Bước 4: Lãnh đạo Khoa phê duyệt

Lãnh đạo khoa xem xét và phê duyệt:

- Lãnh đạo Khoa đồng ý: phòng CSVC tổ chức tiến hành làm các thủ tục tiếp theo.
- Lãnh đạo Khoa không đồng ý: phòng CSVC thông báo lại cho đơn vị thụ hưởng được biết và điều chỉnh. Nếu sử dụng hệ thống để lập và phê duyệt thì hệ thống hiển thị kết quả phê duyệt để người phụ trách phòng thí nghiệm điều chỉnh và trình phê duyệt lại.

Bước 5: Lãnh đạo Phòng Đào tạo phê duyệt

Lãnh đạo Phòng Đào tạo xem xét và phê duyệt:

- Lãnh đạo Phòng Đào tạo đồng ý: phòng CSVC tổ chức tiến hành làm các thủ tục tiếp theo.
- Lãnh đạo Phòng Đào tạo không đồng ý: phòng CSVC thông báo lại cho đơn vị thụ hưởng được biết và điều chỉnh. Nếu sử dụng hệ thống để lập và phê duyệt thì hệ thống hiển thị kết quả phê duyệt để người phụ trách phòng thí nghiệm điều chỉnh và trình phê duyệt lại.

Bước 6: Lãnh đạo Phòng CSVC phê duyệt

Lãnh đạo Phòng CSVC xem xét và phê duyệt:

- Lãnh đạo Phòng CSVC đồng ý: phòng CSVC tổ chức tiến hành làm các thủ tục tiếp theo.
- Lãnh đạo Phòng CSVC không đồng ý: phòng CSVC thông báo lại cho đơn vị thụ hưởng được biết và điều chỉnh. Nếu sử dụng hệ thống để lập và phê duyệt thì hệ thống hiển thị kết quả phê duyệt để người phụ trách phòng thí nghiệm điều chỉnh và trình phê duyệt lại.
- Trong quá trình phê duyệt, Phòng CSVC chủ trì lập Tổ kiểm tra rà soát dụng cụ, vật tư tồn kho để có căn cứ phê duyệt.

	QUY TRÌNH ĐỀ XUẤT, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH MUA SẮM VẬT TƯ, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM THEO ISO 9001:2015	Mã số: CSVC - QT - 45
		Lần ban hành: 01
		Ngày ban hành: 31/12/2025
		Trang: 7/6

Bước 7: Khoa nộp bản chính thức

Khoa nộp bản kế hoạch chính thức có chữ ký của người phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành và Lãnh đạo Khoa.

Bước 8: Phòng Đào tạo và phòng CSVC ký xác nhận, trình Ban Giám hiệu

Phòng Đào tạo và phòng CSVC kiểm tra, ký xác nhận vào kế hoạch và trình Ban Giám hiệu cùng Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt Kế hoạch.

Bước 9: Ban Giám hiệu ký xác nhận

- BGH đồng ý: phòng CSVC tổ chức tiến hành làm các thủ tục tiếp theo.
- BGH không đồng ý: phòng CSVC thông báo lại cho đơn vị thụ hưởng được biết để điều chỉnh và trình phê duyệt lại.

Bước 10: Ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch

Phòng Cơ sở Vật chất, phòng Tổ chức – Hành chính thực hiện các thủ tục ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch và Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư của Khoa.

6. HỒ SƠ LƯU TRỮ VÀ BIỂU MẪU BAN HÀNH

Thể hiện các biểu mẫu sử dụng khi thực hiện quy trình

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu	Nơi lưu	Thời gian lưu
1	CSVC-BM-45.01	Nội dung bài thí nghiệm	Khoa, Phòng thí nghiệm thực hành	5 năm
2	CSVC-BM-45.02	Danh sách lớp học phần	Phòng Đào tạo	5 năm
3	CSVC-BM-45.03	Danh mục toàn bộ dụng cụ, vật tư	Phòng CSVC	5 năm
4	CSVC-BM-45.04	Danh sách PTN	Phòng CSVC	5 năm
5	CSVC-BM-45.05	Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư	Phòng thí nghiệm, Phòng CSVC	5 năm
6	CSVC-BM-45.06	Tờ trình phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư	Phòng CSVC	5 năm
7	CSVC-BM-45.07	Quyết định phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư	Ban Giám hiệu, Phòng CSVC	5 năm



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM

MÔN HỌC : XYZ

Bài 1 : Xác định các chỉ tiêu RPQ

Họ và tên :Lớp :Tổ.....Nhóm :

1. XÁC ĐỊNH ĐỘ ẨM CỦA ĐẤT BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐỐT CỒN :

1.1. Dụng cụ - vật tư thí nghiệm :

- Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1g;
- Hộp nhôm;
- Đũa thủy tinh;
- Cồn 90 — 95°.

1.2. Trình tự thí nghiệm :

1. Rút gọn mẫu đến khối lượng khoảng 150g;
2. Cân khối lượng hộp (G_h);
3. Cho mẫu đất vào hộp nhôm;
4. Cân khối lượng đất và hộp nhôm (G_w);
5. Đổ cồn thấm đều mẫu đất trong hộp;
6. Châm lửa đốt cho cồn cháy hết;
7. Lặp lại các bước 5, 6 cho đến khi khối lượng không đổi (2-3 lần).
8. Để nguội, cân khối lượng hộp và mẫu đất khô (G_k).

1.3. Tính toán kết quả :

$$\text{Độ ẩm của đất tính theo công thức : } W = \frac{G_w - G_k}{G_k - G_h} \cdot 100 (\%) \quad (1.1)$$

Ghi chú :

- Chỉ áp dụng phương pháp thí nghiệm khi không có điều kiện xác định độ ẩm của đất bằng tủ sấy.
- Nếu có điều kiện nên tiến hành song song từ 2-3 thí nghiệm, lấy giá trị trung bình.
- Không áp dụng cho đất có chứa nhiều hữu cơ.

Lưu ý : Phải chờ cho cồn tắt hẳn mới tiếp tục đổ cồn đốt lần tiếp theo, tránh xảy ra tai nạn đáng tiếc.

Mẫu ghi kết quả thí nghiệm xác định độ ẩm bằng phương pháp đốt cồn

Lần thí nghiệm	Số hiệu hộp	Khối lượng hộp G_h (g)	Khối lượng hộp và đất ẩm G_w (g)	Khối lượng hộp và đất khô G_k (g)	Khối lượng đất khô ($G_k - G_h$)	Khối lượng nước ($G_h - G_k$)	Độ ẩm (%)
1							
2							
3							
Trung bình							

2. XÁC ĐỊNH TƯƠNG QUAN DUNG TRỌNG - ĐỘ ẨM CỦA MẪU ĐẤT THEO AASHTO - T99 :

THÍ NGHIỆM THEO 22 TCN 333-06 (PHƯƠNG PHÁP I-A)

1.1. Dụng cụ - vật tư thí nghiệm :

- Khuôn A4, chày đầm A4 (nặng 2,495kg, chiều cao rơi 30,48 cm);

- Cân kỹ thuật 15kg, độ chính xác 1g;
- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g;
- Chảo và bay trộn đất;
- Dao cắt đất;
- Hộp nhôm;
- Đũa thủy tinh;
- Cồn 90 — 95°.

1.2. Trình tự thí nghiệm :

1. Phơi khô gió;
2. Nghiền nhỏ đất bằng chày cao su;
3. Cân khối lượng đất
4. Sàng đất qua sàng 4,75, cân phần đất trên sàng để xác định hàm lượng % hạt trên sàng 4,75mm;
5. Rút gọn mẫu qua sàng 4,75mm đến khối lượng khoảng 5kg;
6. Xác định độ ẩm ban đầu của mẫu đất bằng phương pháp đốt cồn (W_b);
7. Cân khối lượng chảo trộn (G_{ch} - gam);
8. Cho đất vào chảo trộn, cân khối lượng chảo và đất (G_{ch+d}) để đất trong chảo khoảng 5000g (G_{w1});

9. Tính lượng đất khô trong chảo trộn : $G_{k1} = \frac{G_{w1}}{(1 + W_b)} \cdot (\text{gam})$

10. Tính lượng nước trộn thêm vào mẫu (G_{n1} , ml) để độ ẩm W_{m1} đạt 8% - 10 % theo công thức : $G_{n1} = G_{k1}(W_{m1} - W_b) \quad (2.1)$

11. Đong đủ lượng nước G_{n1} bằng ống lường, trộn đều nước vào mẫu đất trong chảo trộn.

12. Xác định kích thước cối (đo chiều cao, đường kính, tính thể tích cối dưới; Cân khối lượng cối không có thân cối trên (G_c - gam) ;

13. Cho mẫu vào trong cối (khoảng 1/2 cối dưới), đầm 25 chày; đầm xong chiều cao lớp đất đầu tiên trong cối đạt khoảng 1/3 thân cối dưới;

14. Làm xòm bề mặt lớp thứ nhất bằng que sắt hoặc dao;

15. Tiếp tục đầm lớp thứ 2 (cho mẫu vào khoảng 3/4 cối dưới), đầm 25 chày; đầm xong chiều cao lớp đất thứ 2 trong cối đạt khoảng 2/3 thân cối dưới;

16. Làm xòm bề mặt lớp thứ hai bằng que sắt hoặc dao;

17. Lấp cối trên, tiếp tục đầm lớp thứ 3 (cho mẫu vào khoảng 2/3 thân cối trên), đầm 25 chày; đầm xong chiều cao lớp đất thứ 3 trong cối xấp xỉ chiều cao thân cối trên (cao hơn mặt cối trên tối đa 5mm);

18. Tháo cối trên, dùng dao hoặc thước gạt đất bằng mặt cối trên

19. Vệ sinh sạch đất bám bên ngoài và đáy cối, cân khối lượng đất và cối được G_{d+c} , gam;

20. Tháo khuôn cối, dùng dao cắt dọc mẫu đất; lấy khoảng 150g mẫu giữa cối đem xác định độ ẩm được W_1 ;

21. Bể vụn mẫu đất, cho vào chảo trộn, cân khối lượng chảo và đất còn lại được G_2 ; Lượng đất còn lại trong chảo trộn : $G_{w2} = (G_2 - G_{ch})$;

22. Tính toán lượng nước trộn thêm vào đất để độ ẩm W_{m2} tăng $\Delta W = 2\% \div 4\%$ so với W_{m1} ($W_{m2} = W_{m1} + \Delta W\%$) theo công thức :

$$G_{n2} = \frac{G_{w2}}{(1 + W_1)} \cdot (W_{m2} - W_{m1}) \quad (2.2)$$

(trường hợp chưa xác định ngay được W_1 có thể lấy $W_1 \approx W_{m1}$)

23. Lặp lại các bước từ 11 đến 20 cho đến khi cân khối lượng cối và đất không tăng nữa thì làm khoảng 1 đến 2 lần nữa (tổng số cối đầm khoảng từ 4 đến 6 lần).

Mẫu ghi kết quả thí nghiệm đầm nén tiêu chuẩn đất nền đường

Lần đầm nén	1	2	3	4	5	6	7	8
Khối lượng cối G _c , g								
Thể tích cối V, cm ³								
Khối lượng chảo trộn G _{ch} , g								
Khối lượng đất và chảo G _{ch+d} , g								
Khối lượng đất trong chảo G _w , g								
Độ ẩm ban đầu W _b , %								
Độ ẩm cần đạt tới W _m , %								
Độ ẩm thực tế của lần ĐN W, %								
Lượng nước trộn thêm G _n , ml								
Khối lượng đất và cối, G _{d+c} , g								
Khối lượng đất trong cối, G _d , g								
Dung trọng ẩm								
Dung trọng khô								

1.3. Tính toán kết quả :

- Dung trọng ẩm của đất tính theo công thức : $\gamma_w = \frac{G_d}{V}$ (g/cm³);

- Dung trọng khô của đất tính theo công thức : $\gamma_{kw} = \frac{\gamma_w}{1 + W_m}$ (g/cm³);

- Vẽ biểu đồ quan hệ dung trọng, độ ẩm, tìm độ ẩm tốt nhất và dung trọng khô lớn nhất của đất (có thể dùng phương trình tương quan hoặc xác định chính xác trên biểu đồ).

Ghi chú :

- Mỗi lần đầm nén phải lấy ít nhất 2 mẫu xác định độ ẩm..
- Có thể dùng phương pháp không lặp lại : mỗi lần trộn đất đạt độ ẩm mong muốn, đầm nén xong tiếp tục trộn ẩm mẫu đất khác để đầm nén lần sau.
- Phải hiệu chỉnh dung trọng khô lớn nhất và độ ẩm tốt nhất theo quy định của phụ lục B và C của 22TCN 333-06 (lấy tỷ trọng khối của hạt quá cỡ G_m=2,60 và giả thuyết rằng độ ẩm hạt quá cỡ bằng 60% độ ẩm phần hạt tiêu chuẩn).

(Tương tự các bài khác)

Khoa dạy	TT	Giáo viên	C.Đanh	D.định chức đanh	HSCD	Học phần	ĐIỀU CHỈNH	Loại	Số SV	Số TC	Loại HP	Hệ số giờ chuẩn	Lớp giảng dạy bằng tiếng nước ngoài	Lớp TH ngoại (CNTT)	Hệ số ngoại giờ	Chiều quy đổi lớp	Kết hiệu	Chỉ số	Khoa	Các lớp CLC	Học kỳ gà cổ định	Đon
0 CD	10486	Bách Quốc Tiến	GYC, TS		0,3	TT Đia chất công trình (0,5 TC)		109247024102362	30,0	0,5	TT	1				15,0 23,62			109		1	X
0 CD	10486	Bách Quốc Tiến	GYC, TS		0,3	TT Đia chất công trình (0,5 TC)		109247024102375	14,0	0,5	TT	1				7,0 23,75			109		1	X
0 CD	10486	Bách Quốc Tiến	GYC, TS		0,3	TT Đia chất công trình (0,5 TC)		109247024202364	17	0,5 TT		1				8,5 23,64			109		2	X
0 CD	10486	Bách Quốc Tiến	GYC, TS		0,3	TT Đia chất công trình (0,5 TC)		109247024202369	62	0,6 TT		1				31,0 23,69			109		2	X
0 CD	10271	Cao Văn Lâm	GYC, TS		0,3	PBL Kết cấu công trình xây dựng		109464024102262A	23,0	3,0	PBL	1,2				82,8 22,62			109		2	X
0 CD	10280	Châu Trường Linh	PGS, GVCC, TS		0,5	PBL10: Thi công ci đường, tương đê d		109335024102059B	21,0	1,5	PBL	1,2				37,8 20,59			109		1	
		Nguyễn Lan	PGS, GVCC, TS		0,5	Thi học đm, đmng cầu đường, nhng cao	Nguyễn Lan -50%															
		Nguyễn Văn Mỹ	PGS, GVCC, TS		0,5	Vật liệu mới trong CTGT	Nguyễn Văn Mỹ -50%															
0 CD	10135	Bồ Hữu Đạo	PGS, GVCC, TS		0,5	PBL 1: Nền và móng		109289024102259A	25,0	1,0	PBL	1,2				30,0 22,59			109		1	
0 CD	10135	Bồ Hữu Đạo	PGS, GVCC, TS		0,5	PBL 1: Nền và móng		109289024102259B	26,0	1,0	PBL	1,2				31,2 22,59			109		1	
0 CD	10135	Bồ Hữu Đạo	PGS, GVCC, TS		0,5	PBL 1: Nền và móng		109289024102269A	21,0	1,0	PBL	1,2				25,2 22,69			109		1	
0 CD	10380	Bồ Thị Phương	GYC, TS		0,3	ĐATN Gồm xây dựng	Khoa XD Cầu đường	109287024202164	13,0	6,0	DATNCN	1				156,0 21,64			109		2	X
0_CD	10380	Bồ Thị Phương	GYC, TS		0,3	PBL 4: Công nghệ gồm xây dựng 1	Bồ Thị Phương 75%, ThS, Nguyễn Thị Tuyết An 25%	109279024102164A	25,0	2,0	PBL	1,2				60,0 21,64			109		1	
0_CD	10380	Bồ Thị Phương	GYC, TS		0,3	PBL 4: Công nghệ gồm xây dựng 1	Bồ Thị Phương 75%, ThS, Nguyễn Thị Tuyết An 25%	109279024102164B	21,0	2,0	PBL	1,2				50,4 21,64			109		1	
					0,3	PBL 7: Công nghệ gồm XD 2	Bồ Thị Phương 66,7%, TS, Nguyễn Văn Quang 33,3%	109351024202164A	20,0	2,0	PBL	1,2				48,0 21,64			109		2	
0_CD	10380	Bồ Thị Phương	GYC, TS		0,3	PBL 7: Công nghệ gồm XD 2	Bồ Thị Phương 66,7%, TS, Nguyễn Văn Quang 33,3%	109351024202164B	20,0	2,0	PBL	1,2				48,0 21,64			109		2	
0 CD	10235	Hồ Mạnh Hùng	GYC, TS		0,3	PBL 3: Thiết kế cầu		109267024202259A	25,0	1,5	PBL	1,2				45,0 22,59			109		2	
0 CD	10235	Hồ Mạnh Hùng	GYC, TS		0,3	PBL 3: Thiết kế cầu		109267024202259B	25,0	1,5	PBL	1,2				45,0 22,59			109		2	
0 CD	10201	Hoàng Phương Hoa	GS, GVCC, TS		0,6	PBL 1: Nền và móng		109289024102273A	15,0	1,0	PBL	1,2				18,0 22,73			109		1	
0 CD	10643	Hoàng Trọng Lâm	GYC, TS		0,3	PBL9a: Cầu nhịp lớn		1098300024102060A	8	1,5 PBL		1,2				27,0 20,60			109	X	1	
		Trần Thị Phương Anh	GYC, TS			Tổng quan công trình giao thông	Trần Thị Phương Anh -50%															
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Caustone Project		109365024202064	30,0	10,0	DATNKS	1				600,0 20,64			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Caustone project (Cầu)		109342024202069	26,0	10,0	DATNKS	1				520,0 20,59			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Caustone project (Cầu)		109342024202060	9,0	10,0	DATNKS	1				180,0 20,60			109	X	2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Caustone project (Đường)		109343024202059	26,0	10,0	DATNKS	1				520,0 20,59			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Caustone project (Đường)		109343024202060	9,0	10,0	DATNKS	1				180,0 20,60			109	X	2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Caustone project (Hệ thống Cấp thoát nước)		109377024202073	15,0	10,0	DATNKS	1				300,0 20,73			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Caustone project (Hệ thống Giao thông đô thị)		109378024202073	15,0	10,0	DATNKS	1				300,0 20,73			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Bổ an tốt nghiệp (Cầu)		10919734202159	3,0	6,0	DATNCN	1				36,0 21,59			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Bổ an tốt nghiệp (Cầu)		10919734202160	1,0	6,0	DATNCN	1				12,0 21,60			109	X	2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Bổ an tốt nghiệp (đường)		109256024202160	1,0	6,0	DATNCN	1				12,0 21,60			109	X	2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Bổ an tốt nghiệp (đường)		109256024202159	3,0	6,0	DATNCN	1				36,0 21,59			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Bổ an tốt nghiệp (HT cấp thoát nước)		111230024202173	5,0	6,0	DATNCN	1				60,0 21,73			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Bổ an tốt nghiệp (HT cấp thoát nước)		109299024202173	5,0	2,0	TT	1				110,0 21,59			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập công tác kỹ thuật XD CTGT		109463024202159	5,0	2,0	TT	1				18,0 21,60			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập công tác kỹ thuật XD CTGT		109463024202159	9,0	2,0	TT	1				18,0 21,60			109	X	2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập công tác kỹ thuật XD CTGT		111229024202173	5,0	2,0	TT	1				10,0 21,73			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập tốt nghiệp (HT cấp thoát nước)		109297024202173	5,0	2,0	TT	1				10,0 21,73			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập tốt nghiệp (HT cấp thoát nước)		109297024202173	5,0	2,0	TT	1				10,0 21,73			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập tốt nghiệp (HT cấp thoát nước)		10912324202159	3,0	2,0	TT	1				6,0 21,59			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập Tốt nghiệp Cầu		109112324202160	1,0	2,0	TT	1				2,0 21,60			109	X	2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập Tốt nghiệp Cầu		109113324202160	1,0	2,0	TT	1				2,0 21,60			109	X	2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập Tốt nghiệp Đường		109113324202159	3,0	2,0	TT	1				6,0 21,59			109		2	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	Thực tập Tốt nghiệp Đường		109253024102273	12,0	1,0	TT	1				12,0 22,73			109		1	X
0 CD	10757	Khoa XD Cầu đường	GV		0,0	TT công tác kỹ thuật xây dựng		109267024102159A	19,0	0,5	TH	0,5				7,5 21,59			109		1	
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TH Thi nghiệm cầu đường		109267024102159B	30,0	0,5	TH	0,6				9,0 21,59			109		1	
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TH Thi nghiệm cầu đường		109267024102160	7,0	0,5	TH	0,5				7,5 21,60			109	X	1	
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TH TN và kiến định công trình HTKT (0,5TC)		108371024202173	21	0,6 TH		0,55				8,3 21,73			109		2	
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TH trắc địa (0,5TC)		109504024202371	20,0	0,5	TH	0,5				7,5 23,71			109		2	
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TN Quan ly, khai thác và kiến định công trình đườn		109333024102059	21,0	1,0	TH	0,55				16,5 20,59			109		2	
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TN Quan ly, khai thác và kiến định công trình đườn		109333024102060	8,0	1,0	TH	0,5				15,0 20,60			109	X	1	
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TT Trắc địa (1TC)		109252024102367	61	1 TT		1				51,0 23,67			109		1	X
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TT Trắc địa (1TC)		108252024102368	8	1 TT		1				8,0 23,68			109		1	X
0 CD	10673	Lê Đức Châu	GV, THS		0,0	TT Trắc địa (1TC)		109252024102369	65,0	1,0	TT	1				65,0 23,69			109		1	X

0_CD	10673	Lê Đức Châu	GV, TNS	0,0	TT Thắc địa (1TC)		109250024102377	56	1	TT	1		56,0	23,77		109		1	X
0_CD	10673	Lê Đức Châu	GV, TNS	0,0	TT Thắc địa (1TC)		109250024102377	32,0	1,0	TT	1		32,0	23,62		109		2	X
0_CD	10109	Nguyễn Bích Chương	GV, TNS	0,2	PBL 5: Thi công đường, 6 t6		109500024102159B	20,0	1,5	PBL	1,2		36,0	21,59		109		1	
0_CD	0	Nguyễn Đức Tuấn	GV, TNS	-0,1	PBL 5: Công nghệ bê tông 1		109280024102164A	25,0	2,0	PBL	1,2		60,0	21,64		109		1	
0_CD	0	Nguyễn Đức Tuấn	GV, TNS	-0,1	PBL 5: Công nghệ bê tông 1		109280024102164B	25,0	2,0	PBL	1,2		60,0	21,64		109		1	
0_CD	10447	Nguyễn Duy Thảo	GV, TNS	0,3	PBL 6: Thi công cầu		109270024102158A	30	1,5	PBL	1,2		54,0	21,59		109		1	
0_CD	10447	Nguyễn Duy Thảo	GV, TNS	0,3	PBL 6: Thi công cầu		109270024102159B	21,0	1,5	PBL	1,2		37,8	21,59		109		1	
0_CD	10447	Nguyễn Duy Thảo	GV, TNS	0,3	PBL 7: Thiết kế và thi công cầu nâng cao		109311024202159A	20,0	1,5	PBL	1,2		36,0	21,59		109		2	
0_CD	10447	Nguyễn Duy Thảo	GV, TNS	0,3	PBL 7: Thiết kế và thi công cầu nâng cao		109311024202159B	20,0	1,5	PBL	1,2		36,0	21,59		109		2	
0_CD	10182	Nguyễn Hồng Hải	PGS, GVCC, TS	0,5	PBL 10: Thi công và thi công trong đk đ		1093350024102060A	8,0	1,5	PBL	1,2		27,0	20,60		109	X	1	
0_CD		Đỗ Việt Hải	GV, TS	0,5	Thi nghiệm không phá hủy trong công trình	Đỗ Việt Hải: 50%													
0_CD	11556	Nguyễn Minh Hải	GV, TS	0,2	DATN bê tông		109288024202164	13,0	6,0	DATN/CN	1		156,0	21,64		109		2	X
0_CD	10597	Nguyễn Thị Ngọc Yên	GV, TS	0,3	TT Địa chất công trình (0,5 TC)		109247024102359	28,0	0,5	TT	1		14,0	23,59		109		1	X
0_CD	10597	Nguyễn Thị Ngọc Yên	GV, TS	0,3	TT Địa chất công trình (0,5 TC)		109247024202373	12,0	0,5	TT	1		11,5	23,73		109		2	X
0_CD	10597	Nguyễn Thị Ngọc Yên	GV, TS	0,3	TT Địa chất công trình (0,5 TC)		109247024202368	62,0	0,5	TT	1		31,0	23,68		109		2	X
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202378	24,0	0,5	TH	0,55		8,3	23,78		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202377	53,0	0,5	TH	0,7		10,5	23,77		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202375	12,0	0,5	TH	0,5		7,5	23,75		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202369	62,0	0,5	TH	0,7		10,5	23,69		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202368	62	0,5	TH	0,7		10,5	23,68		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202373	23,0	0,5	TH	0,55		8,3	23,73		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202364	17,0	0,5	TH	0,5		7,5	23,64		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202362	32,0	0,5	TH	0,65		9,8	23,62		109		2	
0_CD	10834	Nguyễn Thị Phương	GV, TNS	0,0	TN Cơ học đất (0,5TC)		109250024202359	45,0	0,5	TH	0,7		10,5	23,59		109		2	
0_CD	10178	Nguyễn Thu Hà	GV, TNS	0,3	PBL 1: Nền và móng		109289024102268A	27	1	PBL	1,2		32,4	22,68		109		1	
0_CD	10178	Nguyễn Thu Hà	GV, TNS	0,3	PBL 1: Nền và móng		109289024102268B	30,0	1,0	PBL	1,2		36,0	22,68		109		1	
0_CD	10178	Nguyễn Thu Hà	GV, TNS	0,3	PBL 1: Nền và móng		109289024102275A	25,0	1,0	PBL	1,2		30,0	22,75		109		1	
0_CD	10323	Nguyễn Văn Mỹ	GVCC, TS	0,4	PBL 7: Thiết kế và thi công cầu nâng cao		109311024202160	9,0	1,5	PBL	1,2		27,0	21,60		109	X	2	
0_CD	10323	Nguyễn Văn Mỹ	GVCC, TS	0,4	PBL 9a: Cầu nhịp lớn		109330024102059A	21,0	1,5	PBL	1,2		37,8	20,59		109		1	
0_CD	10769	Nguyễn Văn Quang	GV, TS	0,2	DATN Cầu kết dính	Chuyên qua Khoa XD Cầu đường	109286024202164	13	6	DATN/CN	1		156,0	21,64		109		2	X
0_CD	10769	Nguyễn Văn Quang	GV, TS	0,2	Nhiệm vụ thành VI.XD (PBL)	Chuyên Vũ Hoàng, TH	109350024102464	39,0	1,0	PBL	1,2		46,8	24,64		109		1	
0_CD	10769	Nguyễn Văn Quang	GV, TS	0,2	PBL 3: Kĩ thuật sản xuất CKD vô cơ 1		109276024202264A	12,0	1,5	PBL	1,2		27,0	22,64		109		2	
0_CD	10769	Nguyễn Văn Quang	GV, TS	0,2	PBL 3: Kĩ thuật sản xuất CKD vô cơ 1		109276024202264B	12,0	1,5	PBL	1,2		27,0	22,64		109		2	
0_CD	10769	Nguyễn Văn Quang	GV, TS	0,2	PBL 6: Kĩ thuật sản xuất Cầu kết dính vô cơ 2		109349024202164B	20,0	2,0	PBL	1,2		48,0	21,64		109		2	
0_CD	10498	Nguyễn Xuân Toàn	PGS, GVCC, TS	0,5	PBL 2: Nền và móng		109229024102278A	20,0	1,0	PBL	1,2		24,0	22,78		109		1	
0_CD	10498	Nguyễn Xuân Toàn	PGS, GVCC, TS	0,5	PBL 6: Thi công cầu		109270024102160A	7,0	1,5	PBL	1,2		21,0	21,60		109	X	1	
0_CD	10374	Phạm Ngọc Phương	PGS, GVCC, TS	0,5	PBL 3: Quy hoạch và thiết kế chi tiết đơn vị ở		109291024202273	15,0	3,5	PBL	1,2		63,0	22,73		109		2	
0_CD	10647	Phạm Văn Ngọc	GV, TS	0,2	PBL 1: Nền và móng		109289024102264A	25,0	1,0	PBL	1,2		30,0	22,64		109		1	
0_CD	10647	Phạm Văn Ngọc	GV, TS	0,2	PBL 1: Nền và móng		109289024102267A	28	1	PBL	1,2		33,6	22,67		109		1	
0_CD	10647	Phạm Văn Ngọc	GV, TS	0,2	PBL 1: Nền và móng		109289024102267B	29	1	PBL	1,2		34,8	22,67		109		1	
0_CD	10647	Phạm Văn Ngọc	GV, TS	0,2	PBL 1: Nền và móng		109289024102269B	28,0	1,0	PBL	1,2		33,6	22,69		109		1	
0_CD	10647	Phạm Văn Ngọc	GV, TS	0,2	PBL 1: Nền và móng		109289024102269B	45,0	0,5	TH	0,6		45,0	23,59		109		2	X
0_CD	10873	Phạm Đức Tân	GV, KS	0,2	TT Thắc địa (1TC)		109252024202359	26,0	0,5	TH	0,7		10,5	24,62		109		2	
0_CD	10841	Trần Đình Minh	GV, TS	0,3	TH Toán ứng dụng 1		109382024202462	45,0	0,5	TH	0,7		10,5	24,62		109		2	
0_CD	10641	Trần Khắc Vỹ (CD)	GV, TNS	0,0	TT Địa chất công trình (0,5 TC)		109247024202367	62,0	0,5	TT	1		31,0	23,67		109		2	X
0_CD	10641	Trần Khắc Vỹ (CD)	GV, TNS	0,0	TT Thắc địa (1TC)		109252024102364	28	1	TT	1		26,0	22,75		109		1	X
0_CD	10641	Trần Khắc Vỹ (CD)	GV, TNS	0,0	TT Thắc địa (1TC)		109252024102364	59,0	1,0	TT	1		59,0	23,64		109		1	X
0_CD	10641	Trần Khắc Vỹ (CD)	GV, TNS	0,0	TT Thắc địa (1TC)		109252024102378	23	1	TT	1		23,0	23,78		109		1	X
0_CD	10054	Trần Thị Phương Anh	GV, TS	0,2	Nhiệm môn ngành (TH)		109164324102473	39,0	1,0	TH	0,7		21,0	24,73		109		1	
0_CD	10054	Trần Thị Phương Anh	GV, TS	0,2	Nhiệm môn ngành (TH)		109214024102459	63,0	1,0	TH	0,7		21,0	24,59		109		1	
0_CD	10054	Trần Thị Phương Anh	GV, TS	0,2	PBL 4: Thiết kế đường ô tô		109263024202259A	25,0	1,5	PBL	1,2		45,0	22,59		109		2	
0_CD	10054	Trần Thị Phương Anh	GV, TS	0,2	PBL 8: Thiết kế đường tương các đk khác nhau		109502024202159A	20	1,5	PBL	1,2		36,0	21,59		109		2	
0_CD	10449	Trần Thị Thu Thảo	GV, TS	0,3	PBL 5: Thi công đường, 6 t6		109500024102159C	21,0	1,5	PBL	1,2		37,8	21,59		109		1	

0_CD	10449	Trần Thị Thu Thảo	GV.C, TNS	GV.C, TS	0,3	PBL 5: Thu công đường ô tô		109500024102160A	7,0	1,5	PBL	1,2					27,0	21,60		109		1
0_CD	10573	Trần Thuỳ Việt	GV, TS		0,2	PBL 5: Tỉ; công đường ô tô		109500024102159A	11,0	1,5	PBL	1,2					27,0	21,59		109		1
0_CD	10210	Vô Đức Hoàng	GV, TNS		0,0	PBL 4: San nền và cấp thoát nước	Vô Đức Hoàng 1/3 - Vũ Huy Công (X2) 2/3	111228024102173A	13,0	3,0	PBL	1,2					54,0	21,73		109		1
0_CD	10210	Vô Đức Hoàng	GV, TNS		0,0	PBL 5: Nút giao thông và cầu đi bộ	Vô Đức Hoàng 2/3 - Hồ Mạnh Hùng (BM Cầu) 1/3	109569024202173A	11,0	3,0	PBL	1,2					54,0	21,73		109		2
0_CD	10210	Vô Đức Hoàng	GV, TNS		0,0	PBL 5: Nút giao thông và cầu đi bộ	Vô Đức Hoàng 2/3 - Hồ Mạnh Hùng (BM Cầu) 1/3	109569024202173B	10,0	3,0	PBL	1,2					54,0	21,73		109		2
0_CD	10210	Vô Đức Hoàng	GV, TNS		0,0	PBL 8: Thiết kế đường trong các đk khác nhau		109502024202159B	20,0	1,5	PBL	1,2					36,0	21,59		109		2
0_CD	10606	Vô Duy Hùng	PBS, GVCC, TS		0,5	PBL Ứng dụng BIM trong lập dự án		109468024202262B	13,0	4,0	PBL	1,2					72,0	22,62		109		2
0_CD	10606	Vô Duy Hùng	PBS, GVCC, TS		0,5	TH Tin học ứng dụng VIXD		109347024102164B	28,0	1,0	TH	0,6					18,0	21,64		109		1
0_CD	10263	Vô Hải Lâm	GV.C, TNS	GV.C, TNS	0,2	PBL 4: Thiết kế đường ô tô		109263024202259B	23,0	1,5	PBL	1,2					45,0	22,59		109		2
0_CD	10263	Vô Hải Lâm	GV.C, TNS	GV.C, TNS	0,2	PBL 6: Quản lý hạ tầng đô thị bằng GIS	Vô Hải Lâm-50% (Khoa Thủy -50%	109373024102073A	15,0	2,5	PBL	1,2					45,0	20,73		109		1
		Nguyễn Thanh Phát	GV, TNS			PBL 6: Quản lý hạ tầng đô thị bằng GIS	Nguyễn Thanh Phát (Khoa Thủy -50%															
0_CD	10263	Vô Hải Lâm	GV.C, TNS	GV.C, TNS	0,2	PBL 8: Thiết kế đường trong các đk khác nhau		109502024202159C	20,0	1,5	PBL	1,2					36,0	21,59		109		2
0_CD	10263	Vô Hải Lâm	GV.C, TNS	GV.C, TNS	0,2	PBL 8: Thiết kế đường trong các đk khác nhau	Nguyễn Hoàng Vinh-50% 1/3	109502024202160	20,0	1,5	PBL	1,2					36,0	21,60		109	X	2
		Nguyễn Hoàng Vinh	GV.C, TNS			Tổng quan công trình giao thông																
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	Kiến tập VIXD		109277024202264	23,0	1,0	TT	1					23,0	22,64		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TH Kiểm định và TN Vất liệu công trình		109283024102164A	25,0	1,0	TH	0,55					16,5	21,64		109		1
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TH Kiểm định và TN Vất liệu công trình		109283024102164B	13,0	1,0	TH	0,5					15,0	21,64		109		1
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	Thực tập công nhân VIXD		109273024102264	19,0	1,0	TT	1					19,0	22,64		109		1
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	Thực tập Tốt nghiệp VIXD		109127024202164	13,0	2,0	TT	1					26,0	21,64		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN Thí nghiệm hiện trường		109360024102064	29,0	1,0	TH	0,6					18,0	20,64		109		1
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202364	17,0	0,5	TH	0,5					7,5	23,64		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202375	12,0	0,5	TH	0,5					7,5	23,75		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202377	53,0	0,5	TH	0,7					10,5	23,77		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202378	24,0	0,5	TH	0,55					8,3	23,78		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202373	23,0	0,5	TH	0,55					8,3	23,73		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202368	62,0	0,5	TH	0,7					10,5	23,67		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202369	62,0	0,5	TH	0,7					10,5	23,69		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202359	45,0	0,5	TH	0,7					10,5	23,59		109		2
0_CD	10968	Vô Hoàng Trí	GV, TNS		0,0	TN vật liệu xây dựng (0,5 TC)		109183024202362	32,0	0,5	TH	0,65					9,8	23,62		109		2
0_HOPDC	10096	Lê Xuân Chương	GV.C, TNS		0,2	PBL 8: Công nghệ bê tông 2		109357024102064B	26	2	PBL	1,2					62,4	20,64		109		1
0_HOPDC	10044	Nguyễn Thị Tuyết An	GV, TNS		0,0	PBL 6: Kỹ thuật sản xuất Chết kết dính vô cơ 2		109349024202164A	20	2	PBL	1,2					48,0	21,64		109		2

Mã khoa	Tên khoa	Mã phòng	Tên phòng	Người phụ trách	Email	
KHOA_HOA	Khoa Hóa	HS	Phòng thí nghiệm Hoá sinh	Trần Thị Ánh Tuyết	ttatuyet@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	PTTP	Phòng thí nghiệm Phân tích thực phẩm	Trần Thị Ánh Tuyết	ttatuyet@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_MT	Khoa Môi trường	XLCT	Thực hành xử lý chất thải	Dương Gia Đức	dgdudc@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	DCO	Phòng thí nghiệm Động cơ - Ô tô	Huỳnh Bá Vang	hbvang@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	NLM	Phòng thí nghiệm Nguyên lý - Chi tiết máy	Huỳnh Đức Trí	hdutri@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_MT	Khoa Môi trường	HPTM	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích Môi trường	Hoàng Ngọc Ân	hnan@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_MT	Khoa Môi trường	QTMТ	Thực hành Quan trắc Môi trường	Hoàng Ngọc Ân	hnan@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	DOL	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật đo lường	Khương Thị Út Thương	ktuthuong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	ROLE	Phòng thí nghiệm Role	Khương Thị Út Thương	ktuthuong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DTVT	Khoa Điện tử viễn thông	XDT	Xưởng Điện tử	Lê Hồng Nam	lehongnam@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CTT	Khoa Xây dựng Công trình thủy	TLUC	Phòng thí nghiệm Thủy lực	Lê Hùng	lehung@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_XDCD	Khoa Xây dựng Cầu đường	CD	Phòng thí nghiệm Cầu đường	Lê Đức Châu	ldchau@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_XDCD	Khoa Xây dựng Cầu đường	TRD	Phòng thí nghiệm Trắc địa	Lê Đức Châu	ldchau@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_XDDD	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	KCCT	Phòng thí nghiệm Kết cấu công trình	Lê Xuân Dũng	lxdung@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNТT	Khoa Công nghệ thông tin	CD1	Phòng chuyên đề 1 - C128	Nguyen Công Danh	ncdanh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	MTCN	Phòng Máy tính chuyên ngành	Vũ Thị Hạnh	vtthanh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	MPCN	Phòng thí nghiệm Mô phỏng Hệ thống Công	Vũ Thị Hạnh	vtthanh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_NDL	Khoa Công nghệ nhiệt Điện lạnh	NLN	Phòng thí nghiệm Năng lượng Nhiệt	Nguyễn Đức Minh	ndminh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_NDL	Khoa Công nghệ nhiệt Điện lạnh	NL	Phòng thí nghiệm Nhiệt - Lạnh	Nguyễn Đức Minh	ndminh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_NDL	Khoa Công nghệ nhiệt Điện lạnh	XN	Xưởng Nhiệt	Nguyễn Đức Minh	ndminh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	DGCQ	Phòng thí nghiệm Đánh giá cảm quan thực phẩm	Nguyễn Thị Thu Thủy	ngtthuy@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	CNTP	Phòng thí nghiệm Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Thị Thu Thủy	ngtthuy@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_XDCD	Khoa Xây dựng Cầu đường	DKT	Phòng thí nghiệm Địa cơ	Nguyễn Thị Phương Khuê	ntpkhue@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_XDCD	Khoa Xây dựng Cầu đường	TNC	Phòng thí nghiệm Tính năng cao	Nguyễn Thị Phương Khuê	ntpkhue@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_FAST	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến	DTDC	Phòng thí nghiệm Điện tử Đại cương và Hệ thống	Nguyễn Hữu Lập Trường	nhltruong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_FAST	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến	ROBO	Phòng thí nghiệm Robotics	Nguyễn Hữu Lập Trường	nhltruong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_FAST	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến	THCN	Phòng thí nghiệm Tin học Công nghiệp	Nguyễn Hữu Lập Trường	nhltruong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	QTTB	Phòng thí nghiệm Quá trình Thiết bị	Nguyễn Kim Sơn	nkson@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	POLY	Phòng thí nghiệm Polyme	Nguyễn Kim Sơn	nkson@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	DUC	Phòng thí nghiệm Đức	Nguyễn Linh Giang	nlgiang@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	LRMB	Phòng thí nghiệm Lắp ráp máy bay	Nguyễn Linh Giang	nlgiang@dut.udn.vn	Đang hoạt động

CSV-C-BM-45.04

KHOA_DIEN	Khoa Điện	XD	Xưởng Điện	Nguyễn Quang Chung	nqchung@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	DKL	Phòng thí nghiệm Điều khiển logic	Nguyễn Quang Tân	nqtan@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	VDK	Phòng thí nghiệm Vi điều khiển	Nguyễn Quang Tân	nqtan@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	MPHT	Phòng thí nghiệm Mô phỏng Hệ thống điện	Nguyễn Quang Tân	nqtan@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	DTCS	Phòng thí nghiệm Điện tử công suất và Mạch điện	Nguyễn Quang Tân	nqtan@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	TDD	Phòng thí nghiệm Truyền động điện	Nguyễn Quang Tân	nqtan@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	DKQT	Phòng thí nghiệm Điều khiển quá trình	Nguyễn Quang Tân	nqtan@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_KT	Khoa Kiến trúc	XXMH	Xưởng Mô hình	Nguyễn Thị Hiền	nthien@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_KT	Khoa Kiến trúc	HT	Họa thất	Nguyễn Thị Hiền	nthien@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_QLDA	Khoa Quản lý dự án	QLDA	Bộ môn Quản lý dự án Xây dựng	Nguyễn Thị Hải Lý	nthly@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_QLDA	Khoa Quản lý dự án	QLCN	Bộ môn Quản lý Công nghiệp	Nguyễn Thị Hải Lý	nthly@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	DCA	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện cao áp	Nguyễn Thế Lực	ntluc@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	KTD	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện	Nguyễn Thế Lực	ntluc@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	VS	Phòng thí nghiệm Vi sinh	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	ntmnguyet@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	XCNT	Xưởng Công nghệ thực phẩm	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	ntmnguyet@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	HLD	Phòng thí nghiệm Công nghệ Hoá lọc dầu	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	nttngoc@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	HOAHC	Phòng thí nghiệm Hoá hữu cơ	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	nttngoc@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	HDCF	Phòng thí nghiệm Hoá đại cương FAST	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	nttngoc@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	DH	Phòng thí nghiệm Điện hoá	Nguyễn Thị Tuyết Ngọc	nttngoc@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	MAND	Phòng thí nghiệm Mạng điện	Nguyễn Văn Cả	nvca@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	MKD	Phòng mạng không dây - C105	Nguyễn Văn Nguyên	nvnguyen@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	DPT	Phòng máy Đa phương tiện - C103	Nguyễn Văn Nguyên	nvnguyen@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	C201	Phòng máy C201	Nguyễn Văn Nguyên	nvnguyen@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	TKM	Phòng thí nghiệm Thủy khí - Máy thủy khí	Nguyễn Xuân Sơn	nxson@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	TT	Phòng thí nghiệm Tàu thủy	Nguyễn Xuân Sơn	nxson@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_MT	Khoa Môi trường	XLNC	Thực hành xử lý nước cấp	Phạm Đình Long	pdlong@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_KT	Khoa Kiến trúc	MTKT	Phòng máy tính	Chưa cập nhật	phongmt@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CTT	Khoa Xây dựng Công trình thủy	CTT	Phòng thí nghiệm Công trình thủy	Phạm Lý Triều	plttrieu@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	CNSH	Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học	Phạm Thị Kim Thảo	ptkthao@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	CIS	Phòng thí nghiệm Mạng CISCO - C107	Chưa cập nhật	ptmcmisco@duat.udn.vn	Ngừng hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	HD	Phòng thí nghiệm Hoá dầu	Phan Thanh Sơn	ptson@duat.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	THQT	Thực tập QTTB	Phan Thanh Sơn	ptson@duat.udn.vn	Đang hoạt động

CSV-C-BM-45.04

KHOA_DIEN	Khoa Điện	MAYD	Phòng thí nghiệm Máy điện	Trần Anh Tuấn	tatuan@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	LTMD	Phòng thí nghiệm Lý thuyết mạch điện	Trần Anh Tuấn	tatuan@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	SILI	Phòng thí nghiệm Silicat	Võ Thị Thu Hiền	vtthien@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	HDC	Phòng thí nghiệm Hoá đại cương	Võ Thị Thu Hiền	vtthien@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CTT	Khoa Xây dựng Công trình thủy	THXD	Bộ môn Tin học Xây dựng	Nguyễn Thanh Hải	thxd@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	RBOT	Phòng thí nghiệm Robot	Trần Minh Thông	tmthong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	CNC	Phòng thí nghiệm CNC	Trần Minh Thông	tmthong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	ICIM	Phòng thí nghiệm iCIM	Trần Minh Thông	tmthong@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_QLDA	Khoa Quản lý dự án	WS	Phòng workshop	Ngô Ngọc Tri	trinn2@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_QLDA	Khoa Quản lý dự án	SEMI	Seminar A305	Ngô Ngọc Tri	trinn2@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	LDTM	Phòng thí nghiệm Lưới điện thông minh	Trịnh Trung Hiếu	tthieu@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_NDL	Khoa Công nghệ nhiệt Điện lạnh	KTN	Phòng thí nghiệm Cơ sở Kỹ thuật Nhiệt	Trần Thị Mỹ Linh	ttmylinh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_FAST	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến	VTFA	Phòng thí nghiệm Viễn thông	Thái Vũ Hiền	tvhien@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_FAST	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến	VDT	Phòng thí nghiệm Vi điện tử và Thiết kế IC	Thái Vũ Hiền	tvhien@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_FAST	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến	DLS	Phòng học số DLS	Thái Vũ Hiền	tvhien@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DTVT	Khoa Điện tử viễn thông	DT2	Phòng thí nghiệm Điện tử 2	Trần Văn Líc	twlic@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DTVT	Khoa Điện tử viễn thông	VT	Phòng thí nghiệm Viễn thông	Trần Văn Líc	twlic@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DTVT	Khoa Điện tử viễn thông	MP	Phòng thí nghiệm Mô phỏng	Trần Văn Líc	twlic@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_KT	Khoa Kiến trúc	XDK	Xưởng Điều khiển	Trần Văn Tâm	vtam@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_KT	Khoa Kiến trúc	VE	Phòng vẽ (A154 Phòng Mỹ thuật)	Trần Văn Tâm	vtam@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DTVT	Khoa Điện tử viễn thông	MAVT	Phòng thí nghiệm Máy tính	Thái Văn Tiến	tvtien.dvt@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	XDL	Xưởng Động lực	Võ Anh Vũ	vavu@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	NCM	Phòng thí nghiệm Nuôi cấy mô	Võ Công Tuấn	vctuan@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	XCNS	Xưởng Công nghệ sinh học	Võ Công Tuấn	vctuan@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_HOA	Khoa Hóa	HPT	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích	Võ Công Tuấn	vctuan@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	XCK	Xưởng Cơ khí	Võ Đình Trung	vdtrung@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	SXTD	Phòng thí nghiệm Sản xuất tự động	Võ Đình Trung	vdtrung@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	TKTD	Phòng thí nghiệm Truyền động và Điều khiển thủy	Võ Đình Trung	vdtrung@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_XDCD	Khoa Xây dựng Cầu đường	VLXD	Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng	Vũ Hoàng Trí	vhtri@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DTVT	Khoa Điện tử viễn thông	DT1	Phòng thí nghiệm Điện tử 1	Vũ Văn Thanh	vythanh@dut.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_KT	Khoa Kiến trúc	XTTC	Xưởng Tập công nhân	Chưa cập nhật	xuonggtcn@dut.udn.vn	Đang hoạt động
PHONG_DT	Phòng Đào tạo	VLY	Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương	Trịnh Ngọc Đạt	tnodat@ued.udn.vn	Đang hoạt động

CSVC-BM-45.04

KHOA_XDDD	Khoa Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	XTTK	Xưởng Thực tập kỹ thuật xây dựng	Châu Ngọc Bảo	cnbao@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_FAST	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến	VLQH	Phòng thí nghiệm Vật lý và Quang học	Nguyễn Thị Thu Trang	ntthutrang@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	CTM	Phòng thí nghiệm Chế tạo máy	Phạm Nguyễn Quốc Huy	pnqhuy@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	DL	Phòng thí nghiệm Đo lường và Xử lý số liệu	Phạm Nguyễn Quốc Huy	pnqhuy@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	SMCA	Phòng thí nghiệm SMC Automation	Nguyễn Lê Minh	nlminh@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	VDKN	Phòng thí nghiệm Vi điều khiển và Hệ thống nhúng	Nguyễn Lê Minh	nlminh@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	KTXS	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật xung số	Nguyễn Lê Minh	nlminh@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	HGCAI	Phòng thí nghiệm Hàn và Gia công áp lực	Đặng Xuân Thủy	dxthuy@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CKGT	Khoa Cơ khí giao thông	SBVL	Phòng thí nghiệm Sức bền vật liệu	Nguyễn Văn Quyền	nvquyen@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_DIEN	Khoa Điện	BMTDH	Bộ môn Tự động hoá	Giáp Quang Huy	gqhuy@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	KMAU	Phòng thí nghiệm Khuôn mẫu	Nguyễn Thanh Tùng	nttung@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	KHVL	Phòng thí nghiệm Khoa học vật liệu	Nguyễn Bá Kiên	nbkien@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	KLNL	Phòng thí nghiệm Kim loại học	Nguyễn Bá Kiên	nbkien@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	IOTS	Phòng thí nghiệm IOTs	Ngô Thanh Nghi	ntnghi@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	TKMP	Phòng thí nghiệm Thiết kế và Mô Phòng	Trần Minh Sang	tmsang@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CK	Khoa Cơ khí	MPLT	Phòng thí nghiệm Mô phỏng và Lập trình	Trần Phước Thanh	tpthanh@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	CD2	Phòng chuyên đề 2 - C203	Mai Văn Hà	mvha@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	C204	Phòng máy C204	Mai Văn Hà	mvha@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	C202	Phòng máy C202	Mai Văn Hà	mvha@dui.udn.vn	Đang hoạt động
KHOA_CNTT	Khoa Công nghệ thông tin	BMHTN	Bộ môn Hệ thống Nhúng	Ninh Khánh Duy	nkduy@dui.udn.vn	Đang hoạt động

DẠI HỌC DÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH MUA SẴM VẬT TƯ, DỤNG CỤ, MẪU THÍ NGHIỆM PHỤC VỤ ĐÀO TẠO NĂM 2025

Don vi:

PTN/Xuống:

[illegible]

[illegible]

Tình trạng		Ghi chú
Phòng TN	✓ Đã gửi duyệt 26/03/2025 15:38:56	
BLĐ Khoa	✓ Đã phê duyệt 26/03/2025 17:00:39	
Phòng DT	✓ Đã phê duyệt 27/03/2025 08:24:23	
Phòng CSVC	✓ Đã phê duyệt 11/04/2025 20:07:51	

NGƯỜI LẬP LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ **PHÒNG ĐẠO TẠO** **PHÒNG CSVC** *Đà Nẵng, ngày tháng năm* **BAN GIÁM HIỆU**

TS. Phạm Thành Hưng PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiếu

Hiếu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
PHÒNG CƠ SỞ VẬT CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-CSVC

Đà Nẵng, ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư mẫu thí nghiệm năm 2025
Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 9 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐĐH ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Đại học Đà Nẵng về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong công tác quản lý đầu tư, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa thường xuyên công trình xây dựng cho các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐT phiên họp thứ 17 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng phê duyệt

chủ trương Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất năm 2025 của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Kế hoạch mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2025 tại Trường Đại học Bách khoa, vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị tại Tờ trình 5713/TTr-ĐHBK ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa đã được Giám đốc Đại học Đà Nẵng phê duyệt ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Căn cứ Kế hoạch số 5441/ĐHBK-CSVC ngày 13 tháng 12 năm 2025 của Trưởng phòng Phòng Cơ sở vật chất gửi các Phòng, Khoa, Đơn vị trực thuộc về việc xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa, mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học năm 2025.

Căn cứ Kế hoạch mua sắm vật tư, dụng cụ, mẫu thí nghiệm phục vụ đào tạo năm 2025 của các Phòng thí nghiệm đã được Khoa, Phòng Đào tạo rà soát, xác nhận.

Phòng Cơ sở vật chất kính đề nghị Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư mẫu thí nghiệm năm 2025 của 69 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng thực hành thuộc 13 Khoa và Phòng Đào tạo quản lý (có Phụ lục danh sách kèm theo).

Kính đề nghị Hiệu trưởng xem xét phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư mẫu thí nghiệm năm 2025 để kịp thời tổ chức mua sắm phục vụ đào tạo thực hành, thí nghiệm năm 2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CSVC.

TRƯỞNG PHÒNG

TS. Phạm Thành Hưng



Phụ lục
DANH SÁCH THỐNG KÊ KẾ HOẠCH MUA SẴM DỤNG CỤ, VẬT TƯ
PHÒNG THÍ NGHIỆM, XƯỞNG THỰC HÀNH,
PHÒNG THỰC HÀNH NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số:...../TTr-CSVC ngày tháng năm
của Trưởng phòng Phòng Cơ sở vật chất)

TTC	Phòng thí nghiệm/ Xưởng thực hành	Tổng PTN	Tổng khoa
I	Khoa Cơ khí		
1.	Phòng thí nghiệm Chế tạo máy		
2.	Phòng thí nghiệm CNC		
3.	Phòng thí nghiệm Hàn và Gia công áp lực		
4.	Phòng thí nghiệm Kim loại học		
5.	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật xung số		
6.	Phòng thí nghiệm Lắp ráp máy bay		
7.	Phòng thí nghiệm SMC Automation		
8.	Phòng thí nghiệm Truyền động và Điều khiển thủy khí		
9.	Phòng thí nghiệm Vi điều khiển và Hệ thống nhúng		
10.	Phòng thí nghiệm Đo lường và Xử lý số liệu		
11.	Phòng thí nghiệm Đúc		
12.	Xưởng Cơ khí		
II	Khoa Cơ khí giao thông		
13.	Phòng thí nghiệm Mô phỏng Hệ thống Công nghiệp		
14.	Phòng thí nghiệm Nguyên lý - Chi tiết máy		
15.	Phòng thí nghiệm Sức bền vật liệu		
16.	Phòng thí nghiệm Tàu thủy		
17.	Phòng thí nghiệm Động cơ – Ô tô		
18.	Xưởng Động lực		
III	Khoa Công nghệ nhiệt Điện lạnh		
19.	Phòng thí nghiệm Cơ sở Kỹ thuật Nhiệt:		
20.	Phòng thí nghiệm Năng lượng Nhiệt		
21.	Phòng thí nghiệm Nhiệt - Lạnh		
IV	Khoa Công nghệ thông tin		
22.	Bộ môn Hệ thống Nhúng		
23.	Phòng chuyên đề 2 - C203		
24.	Phòng mạng không dây - C105		
25.	Phòng máy C201		
26.	Phòng máy C202		
27.	Phòng máy Đa phương tiện - C103		
V	Khoa Điện		
28.	Bộ môn Tự động hoá		

TTC	Phòng thí nghiệm/ Xưởng thực hành	Tổng PTN	Tổng khoa
29.	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện cao áp		
30.	Phòng thí nghiệm Role		
31.	Xưởng Điện		
VI	Khoa Điện tử viễn thông		
32.	Phòng thí nghiệm Điện tử 1		
33.	Phòng thí nghiệm Điện tử 2		
34.	Xưởng Điện tử		
VII	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến		
35.	Phòng thí nghiệm Robotics		
36.	Phòng thí nghiệm Vật lý và Quang học		
37.	Phòng thí nghiệm Vi điện tử và Thiết kế IC		
38.	Phòng thí nghiệm Viễn thông		
39.	Phòng thí nghiệm Điện tử Đại cương và Hệ thống nhúng		
VIII	Khoa Hóa		
40.	Phòng thí nghiệm Công nghệ Hoá lọc dầu		
41.	Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học		
42.	Phòng thí nghiệm Công nghệ thực phẩm		
43.	Phòng thí nghiệm Hoá hữu cơ		
44.	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích		
45.	Phòng thí nghiệm Hoá sinh		
46.	Phòng thí nghiệm Hoá đại cương		
47.	Phòng thí nghiệm Hoá đại cương FAST		
48.	Phòng thí nghiệm Nuôi cấy mô		
49.	Phòng thí nghiệm Polyme		
50.	Phòng thí nghiệm Quá trình Thiết bị		
51.	Phòng thí nghiệm Silicat		
52.	Phòng thí nghiệm Vi sinh		
53.	Phòng thí nghiệm Đánh giá cảm quan thực phẩm		
54.	Phòng thí nghiệm Điện hoá		
55.	Xưởng Công nghệ thực phẩm		
IX	Khoa Kiến trúc		
56.	Xưởng mô hình		
X	Khoa Môi trường		
57.	Thí nghiệm Hóa phân tích Môi trường		
58.	Thực hành Quan trắc Môi trường		
59.	Thực hành xử lý chất thải		
60.	Thực hành xử lý nước cấp		
XI	Khoa Xây dựng Cầu đường		
61.	Phòng thí nghiệm Cầu đường		
62.	Phòng thí nghiệm Trắc địa		

TTC	Phòng thí nghiệm/ Xưởng thực hành	Tổng PTN	Tổng khoa
63.	Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng		
64.	Phòng thí nghiệm Địa cơ		
XII	Khoa Xây dựng Công trình thủy		
65.	Bộ môn Tin học Xây dựng		
66.	Phòng thí nghiệm Công trình thủy		
XIII	Khoa Xây dựng Dân dụng và công nghiệp		
67.	Phòng thí nghiệm kết cấu công trình		
68.	Xưởng thực tập kỹ thuật xây dựng		
XIV	Phòng Đào tạo		
69.	Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương		
	TỔNG		

(Bảng chữ:...../.)



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-ĐHBK

Đà Nẵng, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư thí nghiệm năm
Trường Đại học Bách khoa – Đại học Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Luật Đầu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đầu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đầu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đầu thầu;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07 tháng 9 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐĐH ngày 18 tháng 01 năm 2023 của Đại học Đà Nẵng về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong công tác quản lý đầu tư, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ, sửa chữa thường xuyên công trình xây dựng cho các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 93/NQ-HĐT ngày 18 tháng 12 năm 2023 của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐT phiên họp thứ 17 ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng phê duyệt

chủ trương Kế hoạch đầu tư mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất năm 2025 của Trường Đại học Bách khoa - Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Kế hoạch mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ hoạt động thường xuyên năm 2025 tại Trường Đại học Bách khoa, vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị tại Tờ trình 5713/TTr-ĐHBK ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa đã được Giám đốc Đại học Đà Nẵng phê duyệt ngày 17 tháng 01 năm 2025.

Căn cứ Tờ trình số/TTr-CSVC ngày tháng năm 2025 của Trưởng phòng Phòng Cơ sở Vật chất về việc xin phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư thí nghiệm năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch mua sắm dụng cụ, vật tư thí nghiệm năm của 69 phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng thực hành thuộc 13 Khoa và Phòng Đào tạo quản lý (có các danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao cho Phòng Cơ sở Vật chất Trường Đại học Bách khoa chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục mua sắm theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Phòng Tổ chức Hành chính, Trưởng phòng Phòng Cơ sở Vật chất và Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng phòng Phòng Đào tạo và các Trưởng khoa căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CSVC.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiếu



Phụ lục

**DANH SÁCH THỐNG KÊ KẾ HOẠCH MUA SẴM DỤNG CỤ, VẬT TƯ
PHÒNG THÍ NGHIỆM, XƯỞNG THỰC HÀNH,
PHÒNG THỰC HÀNH NĂM**

*(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHBK ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Bách khoa)*

TTC	Phòng thí nghiệm/ Xưởng thực hành	Tổng PTN	Tổng khoa
I	Khoa Cơ khí		
1.	Phòng thí nghiệm Chế tạo máy		
2.	Phòng thí nghiệm CNC		
3.	Phòng thí nghiệm Hàn và Gia công áp lực		
4.	Phòng thí nghiệm Kim loại học		
5.	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật xung số		
6.	Phòng thí nghiệm Lắp ráp máy bay		
7.	Phòng thí nghiệm SMC Automation		
8.	Phòng thí nghiệm Truyền động và Điều khiển thủy khí		
9.	Phòng thí nghiệm Vi điều khiển và Hệ thống nhúng		
10.	Phòng thí nghiệm Đo lường và Xử lý số liệu		
11.	Phòng thí nghiệm Đúc		
12.	Xưởng Cơ khí		
II	Khoa Cơ khí giao thông		
13.	Phòng thí nghiệm Mô phỏng Hệ thống Công nghiệp		
14.	Phòng thí nghiệm Nguyên lý - Chi tiết máy		
15.	Phòng thí nghiệm Sức bền vật liệu		
16.	Phòng thí nghiệm Tàu thủy		
17.	Phòng thí nghiệm Động cơ – Ô tô		
18.	Xưởng Động lực		
III	Khoa Công nghệ nhiệt Điện lạnh		
19.	Phòng thí nghiệm Cơ sở Kỹ thuật Nhiệt:		
20.	Phòng thí nghiệm Năng lượng Nhiệt		
21.	Phòng thí nghiệm Nhiệt - Lạnh		
IV	Khoa Công nghệ thông tin		
22.	Bộ môn Hệ thống Nhúng		
23.	Phòng chuyên đề 2 - C203		
24.	Phòng mạng không dây - C105		
25.	Phòng máy C201		
26.	Phòng máy C202		
27.	Phòng máy Đa phương tiện - C103		
V	Khoa Điện		
28.	Bộ môn Tự động hoá		
29.	Phòng thí nghiệm Kỹ thuật điện cao áp		

TTC	Phòng thí nghiệm/ Xưởng thực hành	Tổng PTN	Tổng khoa
30.	Phòng thí nghiệm Role		
31.	Xưởng Điện		
VI	Khoa Điện tử viễn thông		
32.	Phòng thí nghiệm Điện tử 1		
33.	Phòng thí nghiệm Điện tử 2		
34.	Xưởng Điện tử		
VII	Khoa Khoa học công nghệ tiên tiến		
35.	Phòng thí nghiệm Robotics		
36.	Phòng thí nghiệm Vật lý và Quang học		
37.	Phòng thí nghiệm Vi điện tử và Thiết kế IC		
38.	Phòng thí nghiệm Viễn thông		
39.	Phòng thí nghiệm Điện tử Đại cương và Hệ thống nhúng		
VIII	Khoa Hóa		
40.	Phòng thí nghiệm Công nghệ Hoá lọc dầu		
41.	Phòng thí nghiệm Công nghệ sinh học		
42.	Phòng thí nghiệm Công nghệ thực phẩm		
43.	Phòng thí nghiệm Hoá hữu cơ		
44.	Phòng thí nghiệm Hóa phân tích		
45.	Phòng thí nghiệm Hoá sinh		
46.	Phòng thí nghiệm Hoá đại cương		
47.	Phòng thí nghiệm Hoá đại cương FAST		
48.	Phòng thí nghiệm Nuôi cấy mô		
49.	Phòng thí nghiệm Polyme		
50.	Phòng thí nghiệm Quá trình Thiết bị		
51.	Phòng thí nghiệm Silicat		
52.	Phòng thí nghiệm Vi sinh		
53.	Phòng thí nghiệm Đánh giá cảm quan thực phẩm		
54.	Phòng thí nghiệm Điện hoá		
55.	Xưởng Công nghệ thực phẩm		
IX	Khoa Kiến trúc		
56.	Xưởng mô hình		
X	Khoa Môi trường		
57.	Thí nghiệm Hóa phân tích Môi trường		
58.	Thực hành Quan trắc Môi trường		
59.	Thực hành xử lý chất thải		
60.	Thực hành xử lý nước cấp		
XI	Khoa Xây dựng Cầu đường		
61.	Phòng thí nghiệm Cầu đường		
62.	Phòng thí nghiệm Trắc địa		
63.	Phòng thí nghiệm Vật liệu xây dựng		

TTC	Phòng thí nghiệm/ Xưởng thực hành	Tổng PTN	Tổng khoa
64.	Phòng thí nghiệm Địa cơ		
XII	Khoa Xây dựng Công trình thủy		
65.	Bộ môn Tin học Xây dựng		
66.	Phòng thí nghiệm Công trình thủy		
XIII	Khoa Xây dựng Dân dụng và công nghiệp		
67.	Phòng thí nghiệm kết cấu công trình		
68.	Xưởng thực tập kỹ thuật xây dựng		
XIV	Phòng Đào tạo		
69.	Phòng thí nghiệm Vật lý đại cương		
	TỔNG		

(Bằng chữ:)